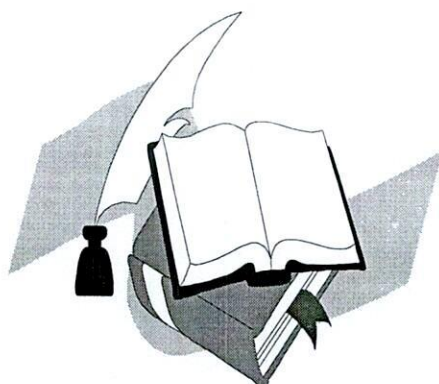


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐẠI LỘC
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN

ĐỀ ÁN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
NĂM HỌC 2023-2024



Tháng 8 năm 2023

Số: /ĐAVTVL-TH&THCSĐT

Đại Tân, ngày 03 tháng 8 năm 2023

**VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN
NĂM HỌC 2023-2024**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

1.1. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

a. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b. Huy động học sinh đi học đúng độ tuổi, vận động học sinh khuyết tật, học sinh đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và xóa mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức dạy học và kiểm tra và xét công nhận hoàn tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh trong nhà trường.

c. Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

d. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

e. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy chế hoạt động của đơn vị và các quy định khác của ngành, của pháp luật.

f. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

g. Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục, nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể địa phương trong các hoạt động giáo dục.

h. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

i. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

- Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện.

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông trường có nhiều cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

1.3. Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Theo quy chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; có tư cách pháp nhân (có con dấu và tài khoản riêng).

Được thực hiện quyền tự chủ một phần về tài chính.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

2.1. Yếu tố bên trong:

- Thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học theo Quy định của Luật Giáo dục.
- Được nhà nước cấp ngân sách hoạt động 100% (tự chủ và không tự chủ).
- Được trang bị thiết bị, kỹ thuật đáp ứng cho công tác quản lý bằng công nghệ thông tin; từng bước thực hiện dạy và học bằng giáo án điện tử.

2.2. Yếu tố bên ngoài:

- Tình hình kinh tế- xã hội trên địa bàn cũng còn gặp nhiều khó khăn, nhân dân chủ yếu sống bằng nghề nông, dân trí phát triển nhưng chưa đồng đều giữa các thôn..

- Số ít người dân còn thiếu quan tâm đến việc học của con em.
- Một số ít người dân nhìn nhận công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2005 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2009;
2. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;
3. Nghị định số Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
4. Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
5. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
6. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định quy định, chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
7. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
8. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
9. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức;
10. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
11. Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về

việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế;

12. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập,

13. Chương trình số 15-CTr/TU ngày 27/02/2018 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

2. Các văn bản pháp lý về việc điều chỉnh, tăng, giảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Công văn số 3043/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đôn đốc thực hiện tinh giản biên chế ngành Giáo dục;

2. Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

3. Căn cứ Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Đề án sắp xếp lại trường, điểm trường, lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm học 2024 – 2025;

4. Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc trong các tổ chức Hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

5. Chương trình số 22-CTr/HU ngày 16/4/2018 của Huyện ủy Đại Lộc về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

6. Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 10/7/2018 Triển khai Chương trình số 22-CTr/HU ngày 16/4/2018 của Huyện ủy Đại Lộc về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Văn bản quy định về: danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập,...

1. Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

2. Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

3. Hướng dẫn số 336/HD -SNV, ngày 17/12/2021 của Sở Nội vụ tỉnh

Quảng Nam về việc xây dựng, thẩm định Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;

4. Công văn số 7197/UBND-NV 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc về việc triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH, ngày 26 tháng 12 năm 2019 ban hành về luật viên chức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

5. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 106/2020/NĐ-CP); Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

6. Căn cứ đề án số 01/ĐAVTVL-TH&THCSDDT của trường TH&THCS Đại Tân ngày 03/1/2023.

Phần II

THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ (SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC), PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC CỦA ĐƠN VỊ

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Vị trí: Gồm 47 người

1.1. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ quản lý, điều hành: Gồm: 03 người

TT	Vị trí hoạt động quản lí	Số lượng	Ghi chú
1.1.1	Vị trí hiệu trưởng	01	
1.1.2	Vị trí phó hiệu trưởng	01	THCS
1.1.3	Vị trí phó hiệu trưởng	01	TH

1.2. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp: Gồm 36 người (Trong đó 01 TPT- GDCD)

TT	Vị trí hoạt động giáo viên	Số lượng	Ghi chú
1.2.1	Vị trí việc làm Giáo viên môn Toán học	02	
1.2.2	Vị trí việc làm Giáo viên môn Vật lí	01	Khoa học tự nhiên: GDPT 2018
1.2.3	Vị trí việc làm Giáo viên môn Hóa học	01 - HĐ	
1.2.4	Vị trí việc làm Giáo viên môn Sinh học	01	
1.2.5	Vị trí việc làm Giáo viên môn Ngữ văn	02	
1.2.6	Vị trí việc làm Giáo viên môn Sử	01	Lịch sử- địa lý: GDPT 2018
1.2.7	Vị trí việc làm Giáo viên môn Địa lí	01	
1.2.8	Vị trí việc làm Giáo viên môn Tiếng anh	04	hđ 1(thcs)
1.2.9	Vị trí việc làm Giáo viên môn Giáo dục Công dân	0	Nghỉ hưu tháng 11/2023
1.2.10	Vị trí việc làm Giáo viên môn Thể dục	02	TH: 01
1.2.11	Vị trí việc làm Giáo viên môn Âm nhạc	02	TH: 01

1.2.12	Vị trí việc làm Giáo viên môn Mỹ thuật	01	TH: 01
1.2.13	Vị trí việc làm Giáo viên môn Tin học	02	TH: 01
1.2.14	Vị trí việc làm giáo viên - tổng phụ trách	01	GDCD
1.2.15	Vị trí việc làm GV công nghệ	01	
1.2.16	Vị trí HĐ- TNST	0	
1.2.17	Vị trí giáo viên nhiều môn	14	HĐ 5

1.3. Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: Gồm 06 người

TT	Vị trí hoạt động nhân viên	Số lượng	Ghi chú
1.3.1	Vị trí việc làm Kế toán	01	
1.3.2	Vị trí việc làm Thư viện+Thủ quỹ	02	TH 1
1.3.3	Vị trí việc làm Y tế	01	HĐ
1.3.4	Vị trí việc làm Văn thư	01	
1.3.5	Vị trí việc làm thiết bị - thí nghiệm	01	

1.4. Vị trí phục vụ, bảo vệ: Gồm 02 người

TT	Vị trí hoạt động nhân viên	Số lượng	Ghi chú
1.4.2	Vị trí bảo vệ	02	HĐND 68

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường:

Trường TH&THCS Đại Tân được thành lập tại Quyết định số 524/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc.

- Vị trí pháp lý: Trường Th&THCS Đại Tân là cơ sở giáo dục phổ thông có nhiều cấp học của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho trường có nhiều cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

+ Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

+ Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Mối quan hệ của đơn vị với các cơ quan:

+ Tham mưu trực tiếp lãnh đạo ngành về thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn.

+ Tham mưu các cấp lãnh đạo địa phương về công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo thực hiện trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng, phổ cập giáo dục.

+ Phối hợp với các ban ngành địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, thực hiện các chế độ, chính sách cho học sinh

+ Phối hợp với các trường trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển sinh vào lớp 10 và phổ cập giáo dục...

4. Cơ chế hoạt động của trường:

Trường thực hiện chế độ thủ trưởng, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:

- Lãnh đạo Trường: Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

- Tổ chuyên môn (Tổ Tự nhiên, Tổ Xã hội, tổ 1-2, tổ 3, tổ 4-5): Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch năm học của nhà trường.

- Tổ Văn phòng: Tham mưu công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ trường học và một số nhiệm vụ hành chính khác.

II. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

1. Nhóm công việc thuộc cấp trưởng, cấp phó Trường:

- *Hiệu trưởng:* Xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường. Xây dựng và tổ chức kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.

Quản lý giáo viên, nhân viên, quản lý chuyên môn, phân công công tác, kiểm tra đánh giá xếp loại khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên. Thực hiện chế độ chính sách, đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng đối với cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh.

Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành, thực hiện công khai đối với nhà trường. Quản lý tài chính, tài sản; Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- *Phó Hiệu trưởng:* Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục, kế hoạch dạy học và giáo dục; Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường. Tổ chức các hội thi của giáo viên, học sinh; xét tốt nghiệp cuối cấp; tổ chức thi, xét lên lớp đối với học sinh...

Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

2. Nhóm công việc của Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và Văn phòng:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Giúp việc cho BGH nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tham gia đánh giá xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành.

Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên.

3. Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp:

+ *Giáo viên bộ môn+ nhiều môn*: Dạy học và giáo dục theo chương trình kế hoạch giáo dục; làm công tác chủ nhiệm lớp. Chịu trách nhiệm về chất lượng hiệu quả giáo dục, tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương.

Rèn luyện đạo đức học tập văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục.

Thực hiện điều lệ nhà trường, thực hiện quyết định của hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra đánh giá của hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với GVCN, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn TNCSHCM, Đội TNTPHCM trong dạy học và giáo dục học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

+ *Tổng phụ trách Đội*: Thực hiện công tác Đoàn Đội trong nhà trường; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

4. Nhóm công việc chuyên môn dùng chung:

- *Kế toán*: Xây dựng kế hoạch tài chính của trường, lập báo cáo thu chi tài chính, quản lý và lưu trữ hồ sơ tài chính. Thực hiện việc thu chi tài chính, chi trả chế độ chính sách. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của trường.

- *Văn thư*: Thực hiện công tác văn thư lưu trữ; theo dõi, tiếp nhận văn bản đến; soạn thảo, trình ký, nhân bản, đóng dấu, lưu trữ và ban hành văn bản đi. Thực hiện công tác hành chính văn phòng, công tác lập kế hoạch, báo cáo; quản lý con dấu, hồ sơ CB, VC của trường...

- *Thư viện, thủ quỹ*: Xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện. Quản lý và tổ chức các hoạt động thư viện. Hướng dẫn giáo viên và học sinh sử dụng và tham gia các hoạt động thư viện. Đề xuất bổ sung sách thư viện theo đề nghị của giáo viên và học sinh hàng năm.

- *Thiết bị, thí nghiệm*: Quản lý thiết bị dạy học; xây dựng kế hoạch phục vụ đồ dùng dạy học, đồ dùng phục vụ thí nghiệm; mua sắm, sửa chữa và sử dụng thiết bị dạy học...

- *Y tế*: Thực hiện các công việc y tế trường học. Quản lý chăm sóc; truyền thông giáo dục sức khỏe cho giáo viên, học sinh; phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và bảo đảm an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em. Ghi sổ thu chi tiền mặt và chi tiền khi có đầy đủ chữ ký của chủ tài khoản.

5. Nhóm công việc bảo vệ, phục vụ:

- *Bảo vệ, phục vụ:*

Bảo vệ trật tự, an ninh, cơ sở vật chất, tài sản nhà trường, phòng cháy chữa cháy. Vệ sinh phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, sân trường, các khu vực nhà vệ sinh. phục vụ nước uống, chuẩn bị hội trường, phòng họp; ...

Việc thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục I** đính kèm.

III. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định vị trí việc làm của Trường:

- **Đội ngũ và chế độ chính sách đối với đội ngũ:** Về số lượng giáo viên bản đảm bảo bố trí ở các vị trí (vẫn còn 05 ggiaos viên hợp đồng cấp tiểu học). Về chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, một bộ phận giáo viên, nhân viên năng lực công tác còn hạn chế; chế độ chính sách chưa phù hợp đặc biệt là đối với nhân viên, mức lương còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tối thiểu từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả công việc.

- **Cơ sở vật chất:** Một số hạng mục thiếu: Chưa có khu tập TDTT cho học sinh, nhà đa năng, phòng nghe nhìn, phòng làm việc của tổ chuyên môn; phòng thí nghiệm thực hành: Tường rào còn 50 mét (cấp tiểu học) có nguy cơ ngã đổ; bên cạnh đó các thiết bị thí nghiệm thiếu đồng bộ, thiếu độ chính xác và hư hỏng nhiều nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc dạy học.

- **Trường cách xa trung tâm huyện, địa bàn xã rộng, số lượng hộ nghèo còn nhiều, đa số người dân còn khó khăn trong đời sống ít có điều kiện quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được phát huy mạnh mẽ.**

2. Các yếu tố ảnh hưởng được thể hiện theo Phụ lục II đính kèm.

IV. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG, ĐÁNH GIÁ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC CỦA ĐƠN VỊ

1. Thống kê thực trạng về số lượng và chất lượng đội ngũ viên chức (kể cả những người hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật) tại thời điểm xây dựng Đề án vị trí việc làm, gồm các nội dung:

a) Tổng số viên chức và hợp đồng hiện có: 47 người; trong đó: HĐ: 08;

- *Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:*

+ Tiên sỹ: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0 %

+ Thạc sỹ: Số lượng: 0 Tỷ lệ: 0 %

+ Đại học/Cử nhân: Số lượng: 38; Tỷ lệ: 80,85 %

+ Cao đẳng: Số lượng: 02; Tỷ lệ: 4,25 %

+ Trung cấp: Số lượng: 05; Tỷ lệ: 10,63%

+ Chưa qua đào tạo: Số lượng: 02; (BV) Tỷ lệ: 4,25%

- *Về trình độ lý luận chính trị:*

+ Cao cấp, cử nhân: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0 %

+ Trung cấp: Số lượng: 03; Tỷ lệ: 6,38%

+ Sơ cấp: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0 %

+ Chưa qua đào tạo: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0 %

b) Về cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp: 39 người

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0%;
 - Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Số lượng: 17; Tỷ lệ: 89,47 %;
 - Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: Số lượng: 18; Tỷ lệ: 94,73%;
 - Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: Số lượng: 4; Tỷ lệ: 21,05 %);
 - Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương: Số lượng: 0; Tỷ lệ: 0 %);
 - Chức danh nghề nghiệp hạng khác: Số lượng: 0
- Các tiêu chí khác:
- Ngoại ngữ: 34: Trong đó: chứng chỉ tiếng Anh C: 12; Chứng chỉ B1: 4; chứng chỉ B: 18.
 - Tin học: 37: Trong đó chứng chỉ B: 23 người ; Chứng chỉ C : 1; Khác: 13 (ứng dụng CNTT cơ bản).
 - Giới tính: 13 nam, 34 nữ.
 - Tuổi đời: Trên Trên 50 tuổi: 12 người (nam: 7, người, nữ: 5 người); từ 40 đến 50 tuổi: 19 người (nam: 04, người, nữ: 15 người); từ 30 đến 40: 10 người (nam: 01 người, nữ: 09 người); dưới 30 tuổi : 06 người (nam: 1 người, nữ: 5 người).
 - Thâm niên công tác: Trên 20 năm: 22 người; từ 10-20 năm: 16 người ; từ : 1-10 năm: 09 người
2. Thống kê thực trạng giao và sử dụng biên chế (số lượng người làm việc):
- a) Số chỉ tiêu biên chế (số lượng người làm việc) được giao năm 2023: 47 biên chế (cho 2 cấp học)
 - b) Số biên chế (số lượng người làm việc) thực tế sử dụng: 47
- Viên chức: 47 người; hợp đồng chuyên môn: 08 lao động theo NĐ 111 (01 NV- 07 GV); hợp đồng theo NĐ 111 (Bảo vệ) : 02 lao động.
3. Việc thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục III** đính kèm.

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ quản lý, điều hành đảm bảo các vị trí cũng như phân công công việc theo chức năng
2. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp đảm bảo khối lượng công việc theo phân công và thực hiện tốt nội dung công việc
3. Vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ đảm bảo khá tốt việc thực hiện nhiệm vụ được giao
4. Phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ tính chất...đảm bảo tính công khai và thực hiện công việc đảm bảo.
5. Một số giáo viên do năng lực chuyên môn cũng còn hạn chế, cơ sở vật chất nhà trường vẫn còn nhiều hạn mục chưa hoàn thành và chưa đảm bảo cho học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên. Đời sống nhân dân còn nhiều khó

khẩn, địa bàn rộng, phân tán, kinh tế chưa ổn định cao... nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

6. Thực trạng đội ngũ viên chức:

- Tỷ lệ viên chức đại học cao trong tổng số viên chức nhà trường.
 - Tỷ lệ chứng chỉ ngoại ngữ, tin học cao
 - Tuổi đời trung bình của đội ngũ tương đối trẻ, điều này thuận lợi cho nhà trường trong tiếp cận, áp dụng đổi mới phương pháp dạy học trong thời gian đến.
 - Thực trạng biên chế năm 2023 của đơn vị là 47 người,
- Thực tế sử dụng lao động của đơn vị năm học 2023- 2024 là 47 kể cả hợp đồng.

Phần III

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP NĂM HỌC 2023-2024

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Xác định danh mục vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo thứ tự sau:

1. Vị trí: Gồm 47 người

1.1. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ quản lý, điều hành: Gồm: 03 người

TT	Vị trí hoạt động quản lý	Số lượng	Ghi chú
1.1.1	Vị trí hiệu trưởng	01	
1.1.2	Vị trí phó hiệu trưởng	01	THCS
1.1.3	Vị trí phó hiệu trưởng	01	TH

1.2. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp: Gồm 36 người (Trong đó 01 TPT- GDCD)

TT	Vị trí hoạt động giáo viên	Số lượng	Ghi chú
1.2.1	Vị trí việc làm Giáo viên môn Toán học	02	
1.2.2	Vị trí việc làm Giáo viên môn Vật lý	01	Khoa học tự nhiên: GDPT 2018
1.2.3	Vị trí việc làm Giáo viên môn Hóa học	01 - HĐ	
1.2.4	Vị trí việc làm Giáo viên môn Sinh học	01	
1.2.5	Vị trí việc làm Giáo viên môn Ngữ văn	02	
1.2.6	Vị trí việc làm Giáo viên môn Sử	01	Lịch sử- địa lý: GDPT 2018
1.2.7	Vị trí việc làm Giáo viên môn Địa lý	01	
1.2.8	Vị trí việc làm Giáo viên môn Tiếng anh	04	hđ 1(thcs)
1.2.9	Vị trí việc làm Giáo viên môn Giáo dục Công dân	0	Nghi hưu tháng 11/2023
1.2.10	Vị trí việc làm Giáo viên môn Thể dục	02	TH: 01
1.2.11	Vị trí việc làm Giáo viên môn Âm nhạc	02	TH: 01
1.2.12	Vị trí việc làm Giáo viên môn Mĩ thuật	01	TH: 01
1.2.13	Vị trí việc làm Giáo viên môn Tin học	02	TH: 01

1.2.14	Vị trí việc làm giáo viên - tổng phụ trách	01	GDCD
1.2.15	Vị trí việc làm GV công nghệ	01	
1.2.16	Vị trí HĐ- TNST	0	
1.2.17	Vị trí giáo viên nhiều môn	14	HĐ 5

1.3. Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: Gồm 06 người

TT	Vị trí hoạt động nhân viên	Số lượng	Ghi chú
1.3.1	Vị trí việc làm Kế toán	01	
1.3.2	Vị trí việc làm Thư viện+Thủ quỹ	02	TH 1
1.3.3	Vị trí việc làm Y tế	01	HĐ
1.3.4	Vị trí việc làm Văn thư	01	
1.3.5	Vị trí việc làm thiết bị - thí nghiệm	01	

1.4. Vị trí phục vụ, bảo vệ: Gồm 02 người

TT	Vị trí hoạt động nhân viên	Số lượng	Ghi chú
1.4.2	Vị trí bảo vệ	02	HĐND 68

Danh mục VTVL và ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị được thể hiện theo **Phụ lục IV** đính kèm

2. Mô tả công việc của từng vị trí việc làm

Bảng mô tả công việc của từng vị trí việc làm tại đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục V** đính kèm.

3. Khung năng lực của từng vị trí việc làm

Khung năng lực của từng vị trí việc làm tại đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục VI** đính kèm.

Đơn vị xác định số lượng người làm việc cần thiết gắn với vị trí việc làm năm học 2023-2024 như sau:

Tổng số lớp học: 21 lớp

Trong đó: THCS: 08 lớp; Tiểu học: 13 lớp.

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	CDNN tương ứng	Hạng CDNN tối thiểu	Số lượng NLV cần thiết	Ghi chú
I	VTVL lãnh đạo, quản lý				3	
1	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	GVTHCS	Hạng II	1	
2	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	GVTH	Hạng II	1	
3	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	GVTHCS	Hạng III	1	
4	Cấp trưởng của tổ chức cấu thành đơn vị					

4.1	Tổ chuyên môn tổ 1,2,3	Tổ trưởng	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
4.2	Tổ chuyên môn tổ 4,5	Tổ trưởng	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
4.3	Tổ chuyên môn chuyên	Tổ trưởng	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
4.4	Tổ chuyên môn tổ Tự nhiên	Tổ trưởng	GVTHCS	Hạng III	kiêm nhiệm	
4.5	Tổ chuyên môn tổ Xã hội	Tổ trưởng	GVTHCS	Hạng III	kiêm nhiệm	
4.6	Tổ văn phòng	Tổ trưởng	Nhân viên văn thư trung cấp hoặc tương đương	Hạng IV	kiêm nhiệm	
5	Cấp phó của tổ chức cấu thành đơn vị					
5.1	Tổ chuyên môn tổ 1,2,3	Tổ phó	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
5.2	Tổ chuyên môn tổ 4,5	Tổ phó	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
5.3	Tổ chuyên môn chuyên	Tổ phó	GVTH	Hạng III	kiêm nhiệm	
5.3	Tổ chuyên môn tổ Tự nhiên	Tổ phó	GVTHCS	Hạng III	kiêm nhiệm	
5.4	Tổ chuyên môn tổ Xã hội	Tổ phó	GVTHCS	Hạng III	kiêm nhiệm	
5.5	Tổ văn phòng					
II	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành				39	
1	Giáo viên tổng phụ trách Đội	Giáo viên	GVTHCS môn GDCD...	Hạng III	1	
2	Vị trí giáo viên Ngữ văn	Giáo viên	GV THCS môn Ngữ văn	Hạng III	2	
3	Vị trí giáo viên Toán	Giáo viên	GV THCS môn Toán	Hạng III	2	
4	Vị trí giáo viên Vật lý	Giáo viên	GV THCS môn Vật lý	Hạng III	1	
5	Vị trí giáo viên Hóa học	Giáo viên	GV THCS môn Hóa học	Hạng III	1	
6	Vị trí giáo viên Sinh học	Giáo viên	GV THCS môn Sinh học	Hạng III	1	
7	Vị trí giáo viên Lịch sử	Giáo viên	GV THCS môn Lịch sử	Hạng III	1	

8	Vị trí giáo viên Địa lí	Giáo viên	GV THCS môn Địa lí	Hạng III	1	
9	Vị trí giáo viên GDCD	Giáo viên	GV THCS môn GDCD	Hạng III	0	TPT &GV XH
10	Vị trí giáo viên Công nghệ	Giáo viên	GV THCS môn Công nghệ	Hạng III	1	
11	Vị trí giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên	GV TH/THCS môn Tiếng Anh	Hạng III	4	
12	Vị trí giáo viên Tin học	Giáo viên	GV TH/THCS môn Tin học	Hạng III	2	
13	Vị trí giáo viên Thể dục	Giáo viên	GV TH/ THCS môn Thể dục	Hạng III	2	
14	Vị trí giáo viên Âm nhạc	Giáo viên	GV THCS môn Âm nhạc	Hạng III	2	
15	Vị trí giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên	GV THCS môn Mỹ thuật	Hạng III	1	
16	Vị trí giáo viên HĐ TNST	Giáo viên	GV THCS môn HĐTNST	Hạng III	0	
17	Giáo viên nhiều môn	Giáo viên	GV Tiểu học	Hạng III	14	
III	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung				6	
<i>1</i>	<i>Nhân viên: Thư viện, thiết bị; công nghệ thông tin</i>				3	
1	Nhân viên thư viện	Thư viện	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV	2	
2	Nhân viên thiết bị	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	Hạng IV	1	
<i>2</i>	<i>Nhân viên: Văn thư; kế toán; y tế và thủ quỹ</i>				3	
b	Vị trí Kế toán	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	Hạng IV	1	
b	Vị trí văn thư	Văn thư	Văn thư trung cấp	Hạng IV	1	
c	Y tế	Y tế học đường	Y sỹ hạng IV hoặc tương đương	Hạng IV	1	
d	Thủ quỹ				Kiểm nhiệm	
	Tổng cộng (I+II+III) = Tổng số VTVL				45	

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP (Như phân tích trên)
IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Phê duyệt Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức; có cơ chế chính sách đào tạo bồi dưỡng CBVC đảm bảo thực hiện nhu cầu công việc;
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa CSVC; Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và làm việc, phục vụ cho thực hiện kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia năm tháng 12/ 2023;
- Nhu cầu bổ sung vị trí giáo viên cơ hữu cấp THCS tiếng anh: 1; Hóa: 1
- Nhu cầu bổ sung giáo viên nhiều môn cấp tiểu học 05.
- Giảm số lượng giáo viên ở các vị trí việc làm thừa người: Môn GDCD (THCS), nghỉ hưu tháng 10/2023
- Giảm số lượng Vị trí việc làm hỗ trợ, quản lí hoạt động: thiết bị - thư viện (tiểu học): 01 người

Trên đây là Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường TH&THCS Đại Tân huyện Đại Lộc năm học 2023-2024; kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Thủ trưởng cơ quan phê duyệt Đề án
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị xây dựng Đề án



Nguyễn Văn Tuấn